TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2020/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 553/2020/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T
Địa chỉ: 89 đường H, phường L, quận Đ, Tp.H.
- *Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng*: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- *Đại diện do Ngân hàng ủy quyền*: Ông Nguyễn Ngọc L (có mặt)
Địa chỉ liên lạc: Tầng 1 Tòa nhà ACM – 96 đường C, phường 4, Quận 3, Tp.HCM.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G (vắng mặt)
Địa chỉ: 41/1F tổ 16, ấp H, xã B, huyện H, Tp.H.
- *Đại diện theo pháp luật của Công ty*: Bà Lê Thị Phương K, chức danh: Giám đốc.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1/ Bà Lê Thị Phương K, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 35 đường Đ, khu phố 4, phường T, Quận 2, Tp.H.

3.2/ Ông Trần Hải D, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 40/4 ấp H, xã B, huyện H, Tp.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có đại diện là ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ngày 23/5/2017 Ngân hàng TMCP T có cho Công ty TNHH DV TM G vay tổng số tiền là 300 triệu đồng, lãi suất 26,8%/năm, thời hạn vay 12 tháng, nợ gốc và lãi chia đều cho thời hạn vay, thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu thanh toán nợ gốc và lãi từ ngày 23/6/2017.

Giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH DV TM G có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM đề ngày 23/5/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đề ngày 23/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ngày 23/5/2017 và Khế ước nhận nợ (Lần 01/Số: DSA/GVP/17/0112/HDHM-01) đề ngày 23/5/2017

Để đảm bảo cho khoản tiền Công ty TNHH DV TM G vay của Ngân hàng, bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D đã ký với Ngân hàng TMCP T Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0112/HĐBL đề ngày 23/5/2017.

Sau khi vay tiền, thời gian đầu Công ty TNHH DV TM G có thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận, tuy nhiên kể từ ngày 22/9/2017 Công ty G bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán.Tính đến ngày 23/02/2019 Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc là 81.529.132 đồng và tiền lãi là 42.728.028 đồng. Sau đó Công ty ngưng không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 28/9/2018 Ngân hàng có Đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH DV TM G thanh toán số nợ là 276.997.124 đồng, trong đó nợ gốc là 218.470.868 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/8/2018 là 58.526.256 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, tính đến ngày 23/7/2020 phía Ngân hàng xác định số tiền Công ty G còn nợ của Ngân hàng chưa thanh toán là 452.189.420 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 218.470.868 đồng
- Tiền lãi trong hạn (từ 23/5/2017 đến ngày 21/9/2017): 4.912.720 đồng
- Tiền lãi quá hạn (từ 22/9/2017 đến ngày 23/7/2020): 227.389.028 đồng
- Tiền phạt chậm trả (tính trên nợ gốc): 1.416.804 đồng

Căn cứ quá trình vay tiền và thanh toán nợ giữa hai bên, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH DV TM G thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 452.189.420 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH DV TM G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán

kể từ ngày 23/7/2020 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty TNHH DV TM G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền, phía Ngân hàng yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D chịu trách nhiệm thanh toán số nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0112/HĐBL do bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D ký ngày 23/5/2017.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng phía bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM do Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G ký ngày 23/5/2017, căn cứ Phụ lục Hợp đồng số 01 đề ngày 23/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ngày 23/5/2017 và Khế ước nhận nợ (Lần 01/Số: DSA/GVP/17/0112/HDHM-01) đề ngày 23/5/2017 để khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G thanh toán tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G có trụ sở trên địa bàn huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G (là bị đơn trong vụ án) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung:

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP T yêu cầu phía bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G thanh toán toàn bộ dư nợ gốc và tiền lãi tính đến thời điểm Tòa án xét xử (ngày 29/9/2020) của Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ký ngày 23/5/2017 với tổng số tiền là 468.871.436 đồng, trong đó nợ gốc là 218.470.868 đồng và tiền lãi là 250.400.568 đồng (nợ tiền lãi trong hạn là 4.912.720 đồng, tiền lãi quá hạn là 243.978.249 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.509.599 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ thỏa thuận vay tiền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM do Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G ký ngày 23/5/2017, căn cứ Phụ lục Hợp đồng số 01 đề ngày 23/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ngày 23/5/2017 và Khế ước nhận nợ (Lần 01/Số: DSA/GVP/17/0112/HDHM-01) đề ngày 23/5/2017 thể hiện số tiền Ngân hàng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G vay là 300.000.000 đồng, lãi suất là 26,8%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 23/5/2017 đến 23/5/2018), nợ gốc và tiền lãi trả trong 12 kỳ vào ngày 23 hàng tháng, mỗi kỳ trả 25 triệu đồng tiền nợ gốc, bắt đầu thanh toán kể từ ngày 23/6/2017 cho đến khi hết nợ. Căn cứ Ủy nhiệm chi đề ngày 23/5/2017 thể hiện Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 300 triệu đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 23/02/2019 Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 124.257.160 đồng, trong đó trả nợ gốc là 81.529.132 đồng, trả tiền lãi là 42.728.028 đồng. Như vậy, dư nợ gốc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G chưa trả cho Ngân hàng là 218.470.868 đồng. Do đó, phía Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G trả số nợ gốc là 218.470.868 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay tiền các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 26,8%/năm (tương đương 2,23%/tháng), mức lãi suất này cố định trong 03 tháng đầu, hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Phía Ngân hàng xác định trong suốt thời hạn vay, mức lãi suất này được áp dụng cố định, không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Căn cứ Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất. Do đó, phía Ngân hàng yêu cầu áp dụng mức lãi suất hai bên thỏa thuận làm căn cứ tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Xét Hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày 23/5/2017, phương thức trả nợ gốc và lãi hàng tháng, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Dịch vụ

Thương mại G đã thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận, tuy nhiên kể từ ngày 22/9/2017 Công ty bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ Điều 7 của hợp đồng các bên có thỏa thuận bên Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của bên vay trong trường hợp đến thời hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ đã thỏa thuận mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được bên ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ.

Tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tại khoản 6 Điều 3 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Do đó, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G phải trả tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng (2,23%/tháng) trong thời hạn vay từ ngày 23/5/2017 (ngày hai bên ký hợp đồng vay) đến ngày 21/9/2017 (ngày thanh toán cuối cùng), đồng thời, phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng (tương đương 3,345%/tháng) kể từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ (22/9/2017) đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (29/9/2020) và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, phía Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G thanh toán tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là 4.912.720 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 243.978.249 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.509.599 đồng, tổng số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (29/9/2020) là 250.400.568 đồng là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, xét thấy khi các bên ký Hợp đồng vay, để đảm bảo nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM do Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G ký ngày 23/5/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 01 đề ngày 23/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ngày 23/5/2017, bên bảo lãnh là bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D đã đồng ý ký Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0112/HĐBL ngày 23/5/2017 để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G phải trả cho bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP T theo hợp đồng cho vay. Ngày 02/01/2018 phía Ngân hàng đã có thông báo với bên bảo lãnh về việc bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ thanh toán cũng như yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, hiện nay bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, bên Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D có trách nhiệm thay bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G thực hiện

toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng trong trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G không thanh toán đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phía bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G, bà K và ông D đều vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, các đương sự đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ gốc là 218.470.868 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (29/9/2020) là 250.400.568 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 4.912.720 đồng, tiền lãi quá hạn là 243.978.249 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.509.599 đồng). Do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp Công ty TNHH DV TM G không thanh toán đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP T thì bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0112/HĐBL do bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D ký ngày 23/5/2017.

[4] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 338, Điều 339, Điều 340, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T về việc yêu cầu Công ty TNHH DV TM G thanh toán nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM do Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại G ký ngày 23/5/2017, Phụ lục Hợp đồng số 01 đề ngày 23/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/GVP/17/0112/HDHM ngày 23/5/2017 và Khế ước nhận nợ (Lần 01/Số: DSA/GVP/17/0112/HDHM-01) đề ngày 23/5/2017:

1.1. Buộc Công ty TNHH DV TM G phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền là 468.871.436 (bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn bốn trăm ba mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc 218.470.868 đồng, tiền lãi là 250.400.568 đồng (bao gồm: tiền lãi trong hạn là 4.912.720 đồng, tiền lãi quá hạn là 243.978.249 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.509.599 đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH DV TM G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH DV TM G không thanh toán đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP T thì bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/GVP/17/0112/HĐBL do bà Lê Thị Phương K và ông Trần Hải D ký ngày 23/5/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH DV TM G phải chịu 22.754.857 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.924.928 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0003349 ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh